TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 69/2024/DS-GĐT
Ngày: 11/3/2024
V/v tranh chấp thừa kế tài sản và tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Xuân

Ông Nguyễn Xuân Thiện

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Luông, Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về "*Tranh chấp thừa kế tài sản và tranh chấp quyền sử dụng đất"* giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Võ Thị Huỳnh M, sinh năm 1956; địa chỉ: số nhà C, ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: ông Võ Văn T, sinh năm 1957; địa chỉ: Số nhà C, ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957;

3.2. Bà Võ Ngọc Tường V, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: số nhà C, ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3.3. Bà Lê Thị Thiên T1, sinh năm 1991;

3.4. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: số nhà C, ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3.5. Ông Võ Văn N, sinh năm 1946;

3.6. Ông Võ Văn T2, sinh năm 1942;

3.7. Bà Võ Thị C, sinh năm 1962;

3.8. Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, Bến Tre.

3.9. Ông V1 (Vỏ) Văn N1, sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ G ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3.10. Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre
3.11. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1944 (chết năm 2011).
Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn Đ gồm:
3.10.1. Bà Trần Thị Đ1, sinh năm 1953;
3.10.2. Ông Võ Hoàng V2, sinh năm 1986;
3.10.3 Bà Võ Thị Ánh L, sinh năm 1982;
Cùng địa chỉ: ấp G, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Võ Thị Huỳnh M *có người đại diện theo ủy quyền là bà* Đinh Thị Bé M1 *trình bày:*

Cụ Nguyễn Thị T3 (chết 2005) có 09 người con gồm các ông bà: Võ Văn T2, Võ Văn Đ (chết năm 2011 có vợ là Trần Thị Đ1 và 02 con chung là Võ Thị Ánh L và Võ Hoàng V2), Võ Văn N, Võ Văn P (chết năm 2011, không có vợ con), Võ Văn N2, Võ Thị Huỳnh M, Võ Văn T, Võ Thị C và Võ Thị Kim H.

Lúc sinh thời cụ T3 có tạo lập được số tài sản là diện tích 6.417m^2 đất thuộc thửa 301, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Diện tích đất hiện nay do ông Võ Văn T đang quản lý sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1993, cụ T3 có cho bà M một phần đất nằm trong thửa 301 nói trên để cất nhà ở, việc cho đất chỉ nói miệng nhưng có họp mặt anh em gia đình trong đó có ông T. Cụ T3 chết không để lại di chúc nay bà M khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn T và vợ là bà Nguyễn Thị S trả lại cho bà phần đất theo kết quả đo đạc ngày 21/11/2019 có diện tích 408,2m^2 thuộc thửa số 1/301a+1/301b, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đối với diện tích 6.008,7m^2 đất còn lại bà M yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho các con của cụ T3 và yêu cầu được nhận diện tích 751m^2 đất. Đồng thời, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Võ Văn T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bà M xác định toàn bộ diện tích 6.417m^2 đất là di sản của cụ Nguyễn Thị T3 chết để lại chưa chia, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thành 8 kỷ phần bằng nhau, bà M yêu cầu được nhận diện tích khoảng 802m^2. Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc thực tế ngày 15/7/2020, bà M yêu cầu được nhận diện tích đất thuộc thửa 301a, diện tích 796,5m^2, phần còn lại và yêu cầu nhận giá trị chênh lệch. Đối với cây trồng trên đất bà đồng ý bồi hoàn theo giá của hội đồng định giá và yêu cầu điều chỉnh một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị S để cấp lại cho những người được hưởng thừa kế theo quy định pháp luật.

Bị đơn, ông Võ Văn T *cùng đại diện theo ủy quyền của bà* Võ Ngọc Tường V *và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà* Nguyễn Thị S *cùng thống nhất trình bày:*

Năm 1995, cụ T3 đã họp gia đình tuyên bố toàn bộ diện tích đất trên là phần đất hương quả, ông T là con út nên giao cho ông T quản lý canh tác hưởng hoa lợi để thờ cúng ông bà, lúc này tất cả anh em trong gia đình đều đồng ý trong đó có bà Võ Thị Huỳnh M và ông Võ Văn N2. Sau đó, cụ T3 kêu ông T xem xét cho bà M được cất nhà ở tạm trên phần đất này đến hết đời chứ không cho luôn. Do đó, ông T, bà S và bà V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M và yêu cầu độc lập của ông N2, bà Đ1, ông V2 và bà L. Đồng thời, ông T phản tố yêu cầu bà Võ Thị Huỳnh M, bà Lê Thị Thiên T1, ông Nguyễn Văn K phải di dời nhà và tài sản trên đất để trả lại đất cho gia đình diện tích 408,2m^2 thuộc một phần thửa số 301, tờ bản đồ số 7 hiện do hộ ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị S đứng tên. Ông T tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho gia đình bà M với số tiền 10.000.000 đồng và tiền thuê nhà trọ trong thời hạn 1 năm là 6.000.000 đồng và cho bà M thời hạn lưu cư một tháng để sắp xếp di dời đi nơi khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N, *ông* Võ Văn T2, *bà* Võ Thị C, *bà* Võ Thị Kim H *trình bày:*

Các ông bà Võ Văn N, Võ Văn T2, Võ Thị C, Võ Thị Kim H đều thống nhất xác định diện tích 6.417m^2 đất thuộc thửa 301, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc là của cụ Võ Văn T4, cụ T4 chết để lại cho cha các ông là cụ Võ Văn X (Sinh). Năm 1966, cụ X chết, mẹ là cụ T3 cùng các anh chị em gia đình tiếp tục quản lý sử dụng phần đất này. Đến năm 1995, khi ông Tạo lập gia đình thì cụ T3 tập hợp gia đình tuyên bố phần đất đang tranh chấp là phần đất hương quả, ông T là con út nên giao cho ông T toàn bộ phần đất này dùng thờ cúng ông bà, lúc này tất cả anh em trong gia đình đều đồng ý, có mặt bà M và ông N2 cùng thống nhất. Việc bà M và ông N2, bà Đ1, ông V2, bà L yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất này là không đúng, các ông bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N2 *trình bày:*

Diện tích 6.417m^2 đất nêu trên là của cụ T3 mẹ ông để lại chưa chia, nay yêu cầu chia thừa kế diện tích đất trên theo pháp luật và xin được nhận diện tích khoảng 802m^2 theo kết quả đo đạc thực tế ký hiệu 301c, diện tích 901m^2, ông N2 đồng ý thanh toán giá trị chênh lệch phần diện tích nhận dư. Đồng thời, yêu cầu điều chỉnh một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị S để cấp lại cho những người được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ1, *ông* Võ Hoàng V2, *bà* Võ Thị Á *trình bày:*

Bà Đ1, anh V2, chị L là vợ và con của ông Võ Văn Đ (chết năm 2011), yêu cầu được nhận một phần thừa kế có diện tích khoảng 802m^2, theo kết quả đo đạc thực tế diện tích 464,2m^2 thuộc thửa 301b và yêu cầu được thanh toán giá trị chênh lệch so với suất thừa kế được hưởng theo giá thị trường. Đồng thời, yêu cầu điều chỉnh một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông

Võ Văn T, bà Nguyễn Thị S để cấp lại cho những người được hưởng thừa kế theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện G *có ông* Châu Thanh Trung đại d *theo ủy quyền trình bày:*

Năm 1996, khi đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân xã L. Hộ ông Võ Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1240, 1241, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.510m^2 tọa lạc tại xã L. Phần đất này theo đo đạc tọa độ thuộc thửa 301, tờ bản đồ số 7, diện tích 6.416,8m^2. Năm 2009, hộ ông Võ Văn T làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/7/2009. Thửa 301, tờ bản đồ số 7, diện tích 6.416,8m^2 tọa lạc tại xã L về trình tự thủ tục cấp giấy cho hộ ông Võ Văn T đúng theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, quyết định:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Huỳnh M*; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông* Võ Văn N2*; bà* Trần Thị Đ1*, ông* Võ Hoàng V2*, bà* Võ Thị Ánh L *đối với bị đơn ông* Võ Văn T *về việc chia thừa kế theo pháp luật phần đất thuộc thửa 301, tờ bản đồ số 7, theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích là 6.372,6m^2 tọa lạc tại* ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. *Cụ thể:*

Buộc ông Võ Văn T *chia thừa kế cho bà* Võ Thị Huỳnh M *phần đất theo kết quả đo đạc thực tế là thửa 301a, tờ bản đồ số 7, diện tích 793,4m^2 (trong đó 112,5m^2 đất ONT; 680,9m^2 đất CLN) tọa lạc tại* ấp D (L), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. *(Đất có tứ cận và các thông tin khác tại hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án được đính kèm theo bản án)*

Bà M *được toàn quyền quản lý sử dụng các công trình vật kiến trúc trên đất gồm: nhà chính, nhà sau, sân đan bê tông, hồ tròn di chuyển được, hàng rào trụ bê tông chôn, kéo lưới B40, 2 cái mộ đất. Bà* M *được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên phần đất tương ứng mà mình được nhận gồm: 10 cây dừa trên 6 năm tuổi, 3 cây dừa từ 4-6 năm tuổi, 1 cây dừa từ 1-4 năm tuổi, 2 cây chanh từ 1-3 năm tuổi, 1 cây mận từ 3 năm tuổi trở lên, 1 cây bưởi từ 4-7 năm tuổi, 8 cây cau chưa trái, 1 cây sao đường kính từ 10cm-50cm, 2 cây u đường kính từ 20cm- 40cm, 3 cây sắn đường kính từ 20cm-40cm, 1 cây kiểng trồng ngoài đất có đường kính từ 5cm-10cm, 1 cây kiểng trồng ngoài đất có đường kính từ dưới 5cm, 1 cây mảng* cầu A *năm tuổi, 2 cây bơ từ 1-2 năm tuổi, sắp có trái, 1 bụi chuối.*

Buộc bà M *có trách nhiệm bồi thường cho ông* T *giá trị cây trồng trên đất và công sức đầu tư cải tạo đất tổng cộng là 68.008.000 đồng.*

Ghi nhận việc bà M *tự nguyện không yêu cầu ông* N2 *hoàn lại giá trị đất chênh lệch.*

Buộc ông Võ Văn T *chia thừa kế cho bà* Trần Thị Đ1*, ông* Võ Hoàng V2*, bà* Võ Thị Ánh L *phần đất theo kết quả đo đạc thực tế là thửa 301b, tờ bản đồ số 7, diện tích 464,2m^2, mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm tại* ấp D

(L), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. *(Đất có tứ cận và các thông tin khác tại hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án được đính kèm theo bản án)*

Bà Đ1, *ông* V2, *bà* L *được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên phần đất tương ứng mà mình được nhận gồm: 8 cây dừa trên 6 năm tuổi, 3 cây dừa từ 1-4 năm tuổi, 4 cây dừa dưới 1 năm tuổi, mới trồng, 1 cây bưởi da xanh từ 1-2 năm tuổi, 4 cây chanh từ 1-3 năm tuổi, 4 cây quýt từ 1-3 năm tuổi, 3 cây quýt từ 3 năm tuổi trở lên, 3 cây mận từ 3 năm tuổi trở lên, 1 cây khế từ 5 năm tuổi trở lên, 2 cây kiểng trồng ngoài đất có đường kính từ 5cm-10cm, 1 cây sao đường kính từ 10cm-50cm, 20m^2 lá dừa nước.*

Buộc bà Đ1, *ông* V2, *bà* L *có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông* T *giá trị cây trồng trên đất và công sức đầu tư cải tạo đất tổng cộng là 51.272.000 đồng.*

Ghi nhận việc bà Đ1, *ông* V2, *bà* L *tự nguyện không yêu cầu ông* N2 *hoàn lại giá trị đất chênh lệch và đồng ý giao đất thổ cư cho bà* M.

Buộc ông Võ Văn T *chia thừa kế cho ông* Võ Văn N2 *phần đất theo kết quả đo đạc thực tế là thửa 301c, tờ bản đồ số 7, diện tích 901m^2, mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại* ấp D (L), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. *(Đất có tứ cận và các thông tin khác tại hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án được đính kèm theo bản án)*

Ông N2 *được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên phần đất tương ứng mà mình được nhận gồm: 6 cây chanh trên 3 năm tuổi, 17 cây dừa trên 6 năm tuổi, 1 cây dừa dưới 1 năm tuổi, mới trồng, 2 cây kiểng trồng ngoài đất có đường kính từ 5cm-10cm, 2 cây kiểng trồng ngoài đất có đường kính từ 10cm- 15cm, 8 cây bưởi da xanh từ trên 6 năm tuổi, 2 cây bưởi da xanh từ 3-6 năm tuổi, 5 cây quýt từ 3 năm tuổi trở lên, 11 cây chanh từ 1-3 năm tuổi, 11 cây xoài trên 6 năm tuổi, 1 cây lê ki ma từ 5 năm tuổi trở lên, 2 cây nhãn từ 6 năm tuổi trở lên, 1 cây me từ 10 năm tuổi trở lên, 1 cây vú sữa từ 10 năm tuổi trở lên.*

Buộc ông N2 *có trách nhiệm bồi thường cho ông* T *giá trị cây trồng trên đất và công sức đầu tư cải tạo đất tổng cộng là 113.464.000 đồng.*

Ghi nhận việc ông N2 *đồng ý giao đất thổ cư cho bà* M.

Chia thừa kế cho ông Võ Văn T *được quyền sử dụng phần đất theo kết quả đo đạc thực tế là thửa 301d, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.081m^2 (trong đó 187,5m^2 đất ONT; 893,5m^2 đất CLN) tọa lạc tại* ấp D (L), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.*(Đất có tứ cận và các thông tin khác tại hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án được đính kèm theo bản án)*

Ông T *được toàn quyền quản lý sử dụng các công trình, vật kiến trúc trên phần đất tương ứng mà mình được nhận gồm: nhà trước, nhà sau, mái che, nhà củi, hồ tròn di chuyển được, sân đan bê tông, cổng rào, 2 cái mộ (1 cái xây gạch ốp gạch ceramic, 1 cái xây gạch ốp đã rửa). Ông Tạo được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên phần đất tương ứng mà mình được nhận gồm: 8 cây dừa trên*

6 năm tuổi, 3 cây dừa dưới 1 năm tuổi, mới trồng, 29 cây chanh từ 1 -3 năm tuổi, 4 cây chanh trên 3 năm tuổi, 6 cây bưởi da xanh từ 2-3 năm tuổi, 4 cây bưởi da xanh từ 3-6 năm tuổi, 4 cây cam sành từ 3 năm tuối trở lên có trái ổn định, 1 cây mận từ 3 năm tuổi trở lên, 1 cây xoài trên 6 năm tuổi, 5 cây nhãn từ 6 năm tuổi trở lên, 1 cây ổi từ 1-2 năm tuổi, 5 cây kiểng trồng ngoài đất có đường kính từ 5cm-10cm, 9 cây kiểng trồng ngoài đất có đường kính từ 10cm-15cm, 6 chậu kiểng trong chậu đường kính chậu 40cm.

Buộc ông T *có trách nhiệm hoàn lại giá trị đất chênh lệch cho bà* M *số tiền 4.221.877 đồng; buộc ông* T *có trách nhiệm hoàn lại giá trị đất chênh lệch cho bà* Đ1, *ông* V2, *bà* L *với số tiền 34.258.326 đồng.*

Tạm giao cho ông Võ Văn T *tiếp tục quản lý sử dụng 4 kỷ phần dự kiến chia cho các ông bà* Võ Văn N, Võ Văn T2, Võ Thị C, Võ Thị Kim H *theo kết quả đo đạc thực tế là thửa 301e (diện tích 580m^2), 301f (diện tích 537,7m^2), 301g (diện tích 752,8m^2), 301h (diện tích 1.262,5m^2), cùng tờ bản đồ số 7, mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại* ấp D (L), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. *Sau này các ông bà Như,* T2, C, H *được quyền khởi kiện yêu cầu ông* T *chia thừa kế bằng 1 vụ kiện khác. (Đất có tứ cận và các thông tin khác tại hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án được đính kèm theo bản án)*

Trên phần diện tích 793,4m^2 thửa 301a chia cho bà M *và phần diện tích đất 1.081m^2 thuộc thửa 301d chia cho ông* T*, trên mỗi phần đất đều có 02 ngôi mộ chôn cất những người thân của bà* M*, ông* T. *Sau khi được chia thừa kế bà* M*, ông* T *phải có trách nhiệm tạo điều kiện cho những người thân khác vào thăm viếng mộ khi cần thiết.*

Dành cho các đồng thừa kế phần đất theo kết quả đo đạc thực tế thuộc thửa 301k, tờ bản đồ số 7, diện tích 146,7m^2, mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp D (L), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre *để làm lối đi chung ra lộ công cộng. Các đồng thừa kế được tạo mọi điều kiện thuận lợi để đi trên lối đi. (Đất có tứ cận và các thông tin khác tại hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án được đính kèm theo bản án)*

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Văn T5 *về việc yêu cầu bà* Võ Thị Huỳnh M*, bà* Lê Thị Thiên T1*, ông* Nguyễn Văn K *phải di dời đi nơi khác để trả lại cho gia đình ông phần đất có diện tích 408,2m^2 thuộc một phần thửa số 301, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại* ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu tiền lãi chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo bản án và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/8/2021, bị đơn ông Võ Văn T kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 280/2022/DS-PT ngày 29 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, quyết định:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn T*;*

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Huỳnh M*; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông* V1 *(Vỏ) Văn Nữa; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà* Trần Thị Đ1, *ông* Võ Hoàng V2, *bà* Võ Thị Ánh L *đối với bị đơn ông* Võ Văn T *về tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật phần đất thuộc thửa 301, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại* ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. *Cụ thể:*

1.1. Bà Võ Thị Huỳnh M *được nhận quản lý, sử dụng phần đất theo kết quả đo đạc thực tế là thửa ký hiệu 301a và 301a-2 với tổng diện tích là 394,7m^2 (cụ thể: thửa 301a diện tích 250,7m^2 trong đó có 50m^2 đất thổ cư ONT và thửa 301a-2 diện tích 144m^2) (có họa đồ đo đạc kèm theo).*

Buộc ông Võ Văn T, *bà* Nguyễn Thị S, *bà* Võ Ngọc Tường V3, *bà* Lê Thị Thiên T1, *ông* Nguyễn Văn K *phải có nghĩa vụ giao cho bà* Võ Thị Huỳnh M *phần đất nêu trên.*

Bà Võ Thị Huỳnh M *được toàn quyền quản lý sử dụng các công trình vật kiến trúc trên đất và toàn bộ cây trồng trên đất.*

Buộc bà Võ Thị Huỳnh M *phải bồi hoàn giá trị cây trồng trên đất và giá trị đất dư ra so với kỷ phần thừa kế được nhận cho ông* Võ Văn T *số tiền 49.764.502 đồng.*

1.2. Bà Trần Thị Đ1, *bà* Võ Thị Ánh L, *ông* Võ Hoàng V2 *được nhận kỷ phần của ông* Võ Văn Đ *số tiền 113.359.055 đồng.*

Buộc ông Võ Văn T *phải có nghĩa vụ trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế bà* Trần Thị Đ1, *bà* Võ Thị Ánh L, *ông* Võ Hoàng V2 *với số tiền 113.359.055 đồng.*

1.3. Ông Võ Văn N2 *được nhận thừa kế bằng giá trị số tiền 113.359.055 đồng. Buộc ông* Võ Văn T *phải có nghĩa vụ trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông* V1 *(*V4*) Văn Nữa với số tiền 113.359.055 đồng.*

1.4. Ông Võ Văn T *được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất có diện tích 5831,2m^2 thuộc một phần thửa 301 (ký hiệu 301a-1, 301b, 301c, 301d, 301e, 30If, 30lg, 30lh), trong đó có 250m^2 đất ONT, còn lại là đất CLN, tọa lạc tại* Ấp D (L), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre *và toàn bộ công trình kiến trúc, cây trồng trên đất; (bao gồm diện tích 1556,45m^2 là kỷ phần thừa kế của ông* Võ Văn N, Võ Văn T2, Võ Thị C, Võ Thị Kim H, Võ Văn P *giao cho ông* Võ Văn T *tiếp tục quản lý, (có họa đồ đo đạc kèm theo).*

1.5. Ông Võ Văn N, *ông* Võ Văn T2, *bà* Võ Thị C, *bà* Võ Thị Kim H *và những người thuộc hàng thừa kế của ông* Võ Văn P *không có yêu cầu được chia thừa kế trong vụ án này. Giao cho ông* Võ Văn T *tiếp tục quản lý phần di sản là kỷ phần của ông* Võ Văn N, *ông* Võ Văn T2, *bà* Võ Thị C, *bà* Võ Thị Kim H,

ông Võ Văn P *mỗi kỷ phần tương đương diện tích 311,29m^2, thuộc một phần thửa 301, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại* Ấp D (L), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. *Nếu có yêu cầu chia thừa kế thì các đương sự trên có quyền yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác.*

1.6. Trong phần diện tích thửa 301 có các ngôi mộ chôn cất những người thân của bà M, *ông* T. *Sau khi được chia thừa kế bà* M, *ông* T *phải có trách nhiệm tạo điều kiện cho những người thân khác vào thăm viếng mộ khi cần thiết.*

1.7. Dành phần đất theo kết quả đo đạc thực tế thuộc thửa ký hiệu 301k, tờ bản đồ số 7, diện tích 146,7m^2, mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Ấp D (L), xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre *để làm lối đi chung ra lộ công cộng. Các đồng thừa kế được tạo mọi điều kiện thuận lợi để đi trên lối đi (có họa đồ đo đạc kèm theo).*

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Văn T *về việc yêu cầu bà* Võ Thị Huỳnh M, *bà* Lê Thị Thiên T1, *ông* Nguyễn Văn K *phải di dời đi nơi khác để trả lại cho gia đình ông phần đất có diện tích 408,2m^2 thuộc một phần thửa số 301, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại* ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất được quản lý, sử dụng theo nội dung bản án đã tuyên.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục hành chính, xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự khi có yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu tiền lãi chậm thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 22/10/2022, bà Võ Thị Huỳnh M và ông Võ Văn N2 có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 285/QĐ-VKS-DS ngày 25/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số: 280/2022/DS-PT ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Võ Thị Huỳnh M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của mẹ là cụ Nguyễn Thị T3 chết để lại đối với phần đất có diện tích 6.417m^2, thuộc thửa 301, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Bị đơn ông Võ Văn T có yêu cầu phản tố yêu cầu bà Võ Thị Huỳnh M, bà Lê Thị Thiên T1, ông Nguyễn Văn K phải di dời nhà và tài sản trả lại cho gia đình ông phần đất theo kết quả đo đạc ngày 21/11/2019 có diện tích 408,2m^2, thuộc một phần thửa số 301 nêu trên có ký hiệu 1/301a + 1/301b.

[2] Phần đất tranh chấp, ông Võ Văn T đăng ký vào 1996 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ ông Võ Văn T diện tích 5.510m^2 đất, trong đó thửa 1240 diện tích 300m^2 đất thổ cư, thửa 1241 diện tích 5.210m^2 đất trồng cây lâu năm. Đến năm 2009, cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị S được cấp diện tích 6.417m^2 đất, đo đạc thực tế hiện nay là diện tích 6.372,6m^2 đất thuộc thửa 301, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

[3] Về di sản thừa kế: Các bên đương sự đều thống nhất nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Võ Văn T4 (ông nội của bà M, ông T) chết để lại cho cha mẹ là cụ Võ Văn X (S) và cụ Nguyễn Thị T3. Năm 1966, cụ X chết diện tích đất trên do cụ T3 quản lý sử dụng. Bà M cho rằng, năm 1993 cụ T3 họp mặt những người con lại thống nhất cho bà M diện tích đất khoảng 300m^2, thuộc một phần thửa 301. Còn ông T thì cho rằng, năm 1995 khi ông lập gia đình, cụ T3 họp mặt những người con lại giao toàn bộ diện tích đất thửa 301 cho ông T quản lý sử dụng để thờ cúng ông bà. Tuy nhiên, bà M và ông T đều không cung cấp chứng cứ chứng minh cụ T3 đã cho đất theo trình bày của bà M và ông tạo. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của cụ X (chết năm 1966) và cụ T3 (chết năm 2005) chưa phân chia cho ai, cụ X và cụ T3 chết không để lại di chúc nên di sản của cụ X và cụ T3 được chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm xác định cụ T3 đã cho ông T quyền sử dụng đất này là không bảo đảm căn cứ pháp luật.

[4] Về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế: Theo quy định tại điểm b mục 10 Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"Đối với những việc thừa kế đã mở trước ngày 10-9-1990, thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990"*. Đồng thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015 quy định:*"Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản"*. Cụ X mất năm 1966, nên thời hiệu chia thừa kế được tính từ ngày 10/9/1990 đến ngày 10/9/2020. Ngày 17/02/2020 bà M có đơn yêu cầu chia thừa kế. Do đó, Tòa án hai cấp xác định thời hiệu yêu cầu chia thừa kế của cụ X vẫn còn là đúng.

[5] Về hàng thừa kế và chia di sản thừa kế: cụ X và cụ T3 sống chung có 09 người con gồm các ông bà: Võ Văn T2, Võ Văn Đ (chết năm 2011 có vợ là Trần Thị Đ1 và con là Võ Thị Ánh L, Võ Hoàng V2), Võ Văn N, Võ Văn P chết năm 2011, không có vợ con), Võ Văn N2, Võ Thị Huỳnh M, Võ Văn T, Võ Thị C, Võ Thị Kim H. Như vậy, thời điểm mở thừa kế của cụ X, cụ T3 thì ông P vẫn còn sống nên ông P cũng được hưởng 1 suất thừa kế theo Điều 613 Bộ luật Dân

sự năm 2015. Do ông P không có vợ con, nên Tòa án cấp sơ thẩm chia kỷ phần hưởng thừa kế của ông P thành 8 kỷ phần cho các anh chị em của ông P là những người thuộc hàng thừa kế thứ hai là đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm giao kỷ phần thừa kế của ông P cho ông T tiếp tục quản lý sử dụng là không phù hợp pháp luật.

[6] Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đều ghi nhận yêu cầu của ông N2, bà Đ1 và 02 con của bà Đ1 (là những người thừa kế của ông Võ Văn Đ) được nhận kỷ phần là quyền sử dụng đất. Nhưng Tòa án cấp phúc thẩm nhận định ông N2, bà Đ và 02 con của bà Đ có mâu thuẫn với ông T, không thể sống gần nhau và chia thừa kế cho ông N2, bà Đ cùng 02 con bà Đ bằng giá trị đất là nhận xét chủ quan không đúng với yêu cầu hợp pháp của các đương sự. Ngoài ra, Tòa án phúc thẩm cho rằng nếu chia kỷ phần bằng hiện vật thì diện tích đất của mỗi kỷ phần không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa nên buộc các hàng thừa kế nhận giá trị quyền sử dụng đất làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Bởi lẽ, theo khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 41/2019/QĐ- UBND ngày 04/10/2019 của UBND tỉnh B về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh về việc quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre quy định như sau: *"Tách thửa phục vụ giải quyết tranh chấp, tổ chức thi hành án dân sự đối với trường hợp mà Tòa án, cơ quan thi hành án thấy cần thiết phải tách thửa mới giải quyết toàn diện vụ án, lý do việc tách thửa phần đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo quy định này phải được ghi vào bản án, quyết định của Tòa án, văn bản thi hành án dân sự khi đề nghị chuyển quyền sử dụng đất theo Điều 106 Luật Thi hành án dân sự..."*

[7] Từ những căn cứ đã phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N2, bà Đ, ông V2, bà L đối với bị đơn ông T về việc chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất đo đạc thực tế là 6.372,6m^2, thuộc thửa 301, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện G là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm là không đúng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự**.**

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 342; Điều 343 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

1/.Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 285/QĐ-VKS-DS ngày 25/10/2023 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số: 280/2022/DS-PT ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện

Giồng Trôm xét xử vụ án "*Tranh chấp thừa kế tài sản và tranh chấp quyền sử dụng đất"* giữa nguyên đơn: bà Võ Thị Huỳnh M với bị đơn: ông Võ Văn T.

3/. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định giám đốc thẩm./.

Nơi nhận:
- Chánh án TAND cấp cao (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và Quản lý khoa học xét xử;
- VKSNDCC;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng LTHS, HS, THS. (LML).

TM.ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy